

Bản án số: 1060/2024/DS-PT

Ngày: 23/12/2024

V/v Tranh chấp đòi tài sản và  
bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Như Hà.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hồng Giảng.

Bà Lê Thị Anh Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Ái- Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 11 năm 2024 và ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 708/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 425/2024/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận O bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5403/2024/QĐPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 15417/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15422/2024/QĐPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6347/2024/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Thường trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ liên lạc: số C đường T, Phường A, quận T, Thành phố H.

*Bị đơn:* Ông Hồ Tấn D, sinh năm: 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: 9, N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phan Thanh H1 (Có mặt) – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH X. Địa chỉ: B, Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1978 - Giám đốc công ty (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Hồ Tấn D là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2016 ngày 15/02/2016. Quá trình chung sống bà thường xuyên bị ông D hành hạ, đánh đập gây thương tích, bị đe dọa đến tính mạng. Vì vậy, bà đã phải bỏ đi khỏi căn nhà số I, Nguyễn Ảnh T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn gốc căn nhà là tài sản riêng của bà và ông D cũng đã lập văn bản cam kết đây là tài sản riêng của bà nhưng ông D đã cố ý đánh đập, uy hiếp tinh thần, tính mạng của bà nhằm chiếm đoạt tài sản riêng của bà. Bà đã nhiều lần liên hệ ông D để đòi lại tài sản của mình nhưng ông D không trả và có thái độ tiếp tục uy hiếp tinh thần của bà. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Tấn D:

Hoàn trả lại nhà đất thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại địa chỉ số I N, phường T, Quận A cho bà do là tài sản riêng của bà;

Buộc ông Hồ Tấn D khôi phục lại hiện trạng nhà ở nêu trên, nếu không tự nguyện thực hiện thì phải bồi thường thiệt hại là 50.000.000 đồng do gây ra hư hỏng, giảm sút giá trị tài sản;

Trả lại 01 xe ô tô hiệu Toyota, loại Camry, Biển số 51G-550.97, số khung: RL4BN3FKXJ1006227, số máy: 6ARP388479 cho Công ty TNHH X;

Bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 15.000.000 đồng;

Bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm gồm chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ là 5.000.000 đồng và thu nhập bị giảm sút trong 03 tháng là 45.000.000 đồng;

Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm gồm chi phí thuê chỗ ở là 7.000.000 đồng/tháng; chi phí đi lại là 5.000.000 đồng/tháng, tạm tính từ tháng 01/2021 đến tháng 6/2023 là 30 tháng, tương đương 360.000.000 đồng.

Ngày 21/5/2024, bà H có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ còn giữ lại yêu cầu buộc ông Hồ Tấn D hoàn trả lại nhà đất thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại địa chỉ số I N, phường T, Quận A cho bà Phạm Thị H.

*Bị đơn ông Hồ Tấn D trình bày:*

Ông và bà H là vợ chồng hợp pháp đúng như trình bày của bà H. Về căn nhà 973/70, Nguyễn Ảnh T, phường T, Quận A, ông xác định đây là tài sản chung của ông và bà H. Ông đang trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà nêu trên. Ông không tự nguyện ký cam kết tài sản riêng cho bà H mà là do tin tưởng bà H nên ông mới ký. Ông xác nhận ông đang quản lý, chiếm hữu chiếc xe ô tô biển số 51G-55097 của Công ty TNHH X. Nay, ông không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH X có yêu cầu độc lập như sau:* Công ty có sở hữu 01 chiếc xe ô tô 01 xe ô tô hiệu Toyota, loại Camry, Biển số 51G-550.97, số khung: RL4BN3FKXJ1006227, số máy: 6ARP388479. Tuy nhiên, chiếc xe này hiện do ông D đang chiếm hữu và không chịu trả lại cho Công ty. Nay, Công ty yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Tấn D hoàn trả lại 01 xe ô tô hiệu Toyota, loại Camry, Biển số 51G-550.97, số khung: RL4BN3FKXJ1006227, số máy: 6ARP388479 cho Công ty TNHH X ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bản án số 425/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

Buộc ông Hồ Tấn D phải trả lại nhà và đất thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại địa chỉ số: 973/70, N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Phạm Thị H ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật do là tài sản riêng của bà H. Nhà đất nêu trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp Giấy chứng nhận số CN 623035, số vào sổ cấp GCN: CS 13556 ngày 08/5/2019, cập nhật đính chính ngày 11/7/2019.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH X.

Buộc ông Hồ Tấn D phải trả lại 01 xe ô tô hiệu Toyota, loại Camry, Biển số 51G-550.97, số khung: RL4BN3FKXJ1006227, số máy: 6ARP388479 cho Công ty TNHH X ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H do bà H rút lại yêu cầu, gồm yêu cầu ông Hồ Tấn D khôi phục lại hiện trạng nhà ở, nếu không tự nguyện thực hiện thì buộc ông D bồi thường thiệt hại là 50.000.000 đồng do gây ra hư hỏng, giảm sút giá trị tài sản; Buộc ông Hồ Tấn D hoàn trả lại

01 xe ô tô hiệu Toyota, loại Camry, Biển số 51G-550.97, số khung: RL4BN3FKXJ1006227, số máy: 6ARP388479; Buộc ông Hồ Tấn D bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 15.000.000 đồng; Buộc ông Hồ Tấn D bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm gồm chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ là 5.000.000 đồng và thu nhập bị giảm sút trong 03 tháng là 45.000.000 đồng; Buộc ông Hồ Tấn D bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm gồm chi phí thuê chỗ ở là 7.000.000 đồng/tháng; chi phí đi lại là 5.000.000 đồng/tháng, tạm tính từ tháng 01/2021 đến tháng 6/2023 là 30 tháng, tương đương 360.000.000 đồng.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/7/2024, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị hủy án sơ thẩm, đề xét xử lại không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn trình bày:

Đối với tài sản là căn nhà 9 N, Quận A thì đây là tài sản riêng của bà mua năm 2015, đến năm 2019 thì ông D ký xác nhận tài sản riêng theo văn bản cam kết tài sản riêng lập ngày 16/9/2019 đã được chứng thực chữ ký số công chứng 001242 tại Văn phòng C. Trong quá trình chung sống thì ông D đánh đập bà gây thương tích nên bà phải rời khỏi nhà từ năm 2020, ông D chiếm luôn tài sản của bà, nên bà không thể nào quay về nhà của mình. Hiện bà và ông D đang ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận O và đang chia tài sản chung là căn nhà ở Đà Nẵng.

Đối với chiếc xe ô tô thì là xe của công ty; ông D cũng đang chiếm giữ, sử dụng; do bà không biết lái xe nên ông D hay lái xe giữ luôn xe không trả cho công ty.

Bà đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm vì các tài sản ông D chiếm giữ là tài sản riêng của bà và công ty.

Bị đơn trình bày: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện, không xem xét nguồn gốc tài sản, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Về nguồn gốc nhà đất 973/70 N, phường T, Quận A là do ông và bà H cùng mua đất năm 2015. Thực tế là ông sống với bà H từ năm 2010 trước đó sống ở Bình Dương, khi đó có bán đất ở Bình Dương, bà H lấy hết tiền; sau khi xây xong nhà ở Quận A thì vợ chồng mới dọn về. Năm 2022 ông có trang trí lại một

phần nhà để mở phòng trà Đêm H, không có xin phép, không thay đổi kết cấu nhà, có xin phép kinh doanh và hiện nay ông còn đang nợ thuế.

Về chiếc xe thì là xe chung của vợ chồng, bà H là giám đốc công ty nên để công ty đứng tên, ông là người sử dụng quản lý xe.

Do đó bà H đòi hai tài sản trên vì cho rằng là tài sản riêng của bà H là không đúng.

Ông xác định đối với các tài sản này thì ông chỉ có lời trình bày, không có chứng cứ chứng minh là tài sản chung vì ông quá tin bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Quá trình chung sống của bà H và ông D là từ năm 2010, sống tại Bình Dương và sau đó bán nhà đất ở Bình Dương mua nhà đất 9 N, Quận A. Mặc dù đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn nhưng ông D chứng minh được thời gian chung sống trước đó với bà H và có tài sản chung, ông D có cùng bà H mua đất, sau đó xây dựng nhà ở Quận A. Việc ông D ký xác nhận tài sản riêng cho bà H là vì tin tưởng bà H. Thực chất đây là tài sản chung của vợ chồng.

Hiện căn nhà trên ông đang kinh doanh nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với cơ sở kinh doanh, sửa chữa. Giấy chứng nhận kinh doanh của công ty TNHH X có trước khi kết hôn nhưng sau này có tăng giảm về vốn sau khi kết hôn, thể hiện ông có đóng góp trong công ty.

Đối với chiếc xe ô tô thì ông D là người đang quản lý sử dụng mặc dù là đứng tên công ty nhưng toàn bộ quá trình mua xe và cũng như nghiệm thu, sửa chữa xe là do ông D. Do vậy có cơ sở xác định đây là tài sản chung của ông D bà H không phải là tài sản của công ty.

Về xem xét thẩm định tại chỗ, toà sơ thẩm chưa xem xét làm rõ hiện trạng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH X - có bà H là giám đốc công ty trình bày:

Xe ô tô biển số 51G-550.97 là của công ty. Do ông D là chồng bà H, nên ông D thường lái xe, ông D đã chiếm luôn xe và không trả lại công ty.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình

tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Do tài sản đang tranh chấp có vay và thế chấp tại Ngân hàng P ngày 16/01/2016 nên cần đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng;

Đồng thời cần xem xét lại phần sửa chữa nhà theo lời trình bày của ông D tại phiên toà phúc thẩm. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, nhưng có mặt tại phiên toà phúc thẩm ngày 25/11/2024, vắng mặt ngày 23/12/2024 nên Toà xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Về nguồn gốc nhà đất:

Căn nhà trên do bà Phạm Thị H nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Ngọc H2 và bà Lê Thị H3 theo Hợp đồng số công chứng 36848, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 11/12/2015 tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh; và hợp đồng tín dụng số 0704/2015/HĐTD-CN ngày 11/12/2015 bà H đã vay số tiền 1.500.000.000 đồng để mua đất tại thửa số 701, tờ bản đồ 19, phường T, Quận A và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0704/2016/BĐ ngày 16/01/2016 tại Ngân hàng TMCP P, tài sản thế chấp là thửa đất trên.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 623035, số vào sổ cấp GCN: CS 13556 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 08/5/2019;

Căn cứ theo Giấy phép xây dựng số 4037/GPXD-UBND ngày 01/6/2018 và số 4805/GPĐC-UBND ngày 27/6/2018 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp;

Căn cứ theo Văn bản cam kết tài sản riêng lập ngày 16/9/2019, đã được chứng thực chữ ký số 001242, quyền số 01-SCT/CK, ĐC tại Văn phòng C;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2016 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/02/2016.

Quá trình hình thành và thế chấp tài sản cũng như xây dựng tài sản trên ông D đều xác định đây là tài sản riêng của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D không có chứng cứ gì chứng minh việc đưa tiền cho bà H để đi mua đất, xây dựng nhà. Ông D khai nhà đất nêu trên ông đang quản lý, sử dụng và không sửa chữa, không thay đổi hiện trạng, kết cấu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D khai bắt đầu kinh doanh phòng trà Đêm Huyền D1 từ năm 2022 và hiện còn đang nợ thuế của cơ sở trên.

Căn cứ tài liệu chứng cứ ông D1 nộp tại giai đoạn phúc thẩm: xét ông D1 không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc xây dựng sửa chữa;

Đối với việc ông D1 kinh doanh và còn nợ thuế đối với cơ quan nhà nước là trách nhiệm cá nhân ông D1, nên ông D1 thực hiện trách nhiệm cá nhân khi cơ quan nhà nước có yêu cầu;

Các tài liệu liên quan đến xe ô tô do ông D1 cung cấp chỉ thể hiện ông D1 là người sử dụng, liên hệ sửa chữa bảo trì; không xác lập quyền sở hữu cũng như không có tài liệu chứng cứ thể hiện sở hữu chung tài sản với công ty;

Xét ông D1 không có cung cấp tài liệu chứng cứ tại giai đoạn tiếp cận công khai chứng cứ và không có yêu cầu cấp sơ thẩm xem xét giải quyết, không cho vào thẩm định nên trong phạm vi xét xử phúc thẩm, cấp phúc thẩm không xem xét đánh giá giải quyết yêu cầu trên;

Bà H ký thế chấp và vay Ngân hàng P trước thời điểm đăng ký kết hôn, ông D1 đã ký xác nhận tài sản riêng. Do đó, không cần đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng; có đủ cơ sở để xác định quyền sử dụng đất và quyền sở hữu đối với tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại địa chỉ: 9 N, phường T, Quận A, đã được cấp Giấy chứng nhận số CS 13556 là tài sản riêng của bà H.

Xét ông D1 là người đang quản lý, sử dụng nhà đất trên, căn cứ Khoản 2 Điều 164 và Khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định chủ sở hữu có quyền yêu cầu Tòa án buộc người đang chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật phải trả lại tài sản, có quyền đòi lại tài sản nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp.

Về yêu cầu độc lập của người liên quan: Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp thể

hiện xe ô tô có số khung RL4BN3FKXJ1006227, số máy: 6ARP388479, biển số 51G-550.97 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH X.

Công ty và ông D1 đều xác nhận ông D1 đang quản lý, sử dụng chiếc xe trên. Vì ông D1 cho rằng chiếc xe là tài sản chung của ông và bà H nên ông có quyền quản lý, sử dụng, không cần có sự đồng ý của Công ty.

Như đã phân tích ở trên, chủ sở hữu có quyền đòi lại tài sản đang bị chiếm giữ trái phép, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH X buộc ông D1 phải trả lại chiếc xe nêu trên cho Công ty TNHH X.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông D1 bồi thường thiệt hại là 50.000.000 đồng do gây ra hư hỏng, giảm sút giá trị tài sản; bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 15.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm gồm chi phí thu thập tài liệu, chứng cứ là 5.000.000 đồng và thu nhập bị giảm sút trong 03 tháng là 45.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm gồm chi phí thuê chỗ ở là 7.000.000 đồng/tháng; chi phí đi lại là 5.000.000 đồng/tháng, tạm tính từ tháng 01/2021 đến tháng 6/2023 là 30 tháng, tương đương 360.000.000 đồng. Do bà H đã rút các yêu cầu nêu trên nên cấp sơ thẩm đình chỉ là phù hợp.

Từ những cơ sở trên, cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng; đã xem xét đánh giá nội dung vụ án một cách toàn diện khách quan; yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Xét đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không cần thiết nên không được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 272, Điều 273, Khoản 2 Điều 296 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 115, Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:



1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hồ Tấn D.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 425/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông D phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông D đã nộp theo biên lai số 0005081 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận O.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố HCM;
- Chi cục THADS Quận O;
- Tòa án nhân dân Quận O;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Như Hà**